

Biểu mẫu số 57

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Dự toán được cấp	Bao gồm				Kinh phí thực hiện trong năm	Nguồn còn lại	Trong đó	
			DT năm trước chuyển sang	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm	Giảm trừ trong năm			Chuyển nguồn năm sau	Hủy bỏ
A	B	1=2+3+4-5	2	3	4	5	6	7=1-6	8	9
	Tổng số	210.191,4	152,6	85.153,0	127.371,3	(2.485,5)	189.938,8	20.252,6	4.595,4	15.657,2
1	Văn phòng Đảng ủy	9.243,7		2.150,1	7.093,6		7.912,3	1.331,39	1.329,98	1,41
2	Ủy ban MTTQVN	3.680,4		1.248,1	2.432,3		3.646,5	33,92	30,00	3,92
3	Văn phòng HĐND và UBND	9.688,7		4.048,9	5.639,8		8.508,8	1.179,97	784,98	394,99
4	Phòng Kinh tế	65.191,3		2.353,9	62.837,4		53.030,4	12.160,93	1.963,69	10.197,25
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	45.793,1		4.211,6	41.581,4		40.926,8	4.866,31	486,8	4.379,56
6	Trung tâm phục vụ Hành chính công	1.527,2		525,7	1.001,5		1.523,8	3,35		3,35
7	Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công	1.747,5		335,7	1.411,8		1.239,3	508,18		508,18
8	Trường MG Duy Trinh	4.293,2		4.320,6	116,6	(144,1)	4.292,4	0,78		0,78
9	Trường MG Duy Trung	5.974,7		5.669,2	349,0	(43,5)	5.971,1	3,58		3,58
10	Trường MG Duy Sơn	5.887,8	9,9	5.978,6	179,8	(280,5)	5.884,8	3,00		3,00
11	Trường TH Duy Trinh	9.547,5		9.066,2	781,9	(300,6)	9.542,4	5,16		5,16
12	Trường TH Duy Trung	9.743,0		9.539,3	376,3	(172,6)	9.676,8	66,17		66,17
13	Trường TH Duy Sơn	10.271,8		10.033,6	322,9	(84,7)	10.266,8	5,01		5,01
14	Trường THCS Phù Đồng	8.624,4		8.273,6	1.163,5	(812,8)	8.586,3	38,09		38,09
15	Trường THCS Nguyễn Thành Hân	9.592,3		9.429,8	673,7	(511,2)	9.560,6	31,66		31,66
16	Trường THCS Lương Thế Vinh	8.467,7	142,7	7.968,1	492,5	(135,6)	8.452,7	15,05		15,05
17	Các đơn vị khác cấp bằng Lệnh chi tiền	917,1			917,1		917,1	-		-